TÒA ÁN NHÂN DÂN **THỊ XÃ PHÚ MỸ** **TỈNH BÀ RỊA-VŨNG TÀU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập- Tự do – Hạnh Phúc**
Bản án số: 86/2022/HNGĐ-ST Ngày: 12/12/2022	
V/v "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn"	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨAVIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ PHÚ MỸ, TỈNH BÀ-RỊA VŨNG TÀU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Lê Văn Cường**

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông **Đỗ Văn Thanh**

2. Ông **Nguyễn Bá Thịnh**

- *Thư ký phiên tòa:* Bà **Trịnh Thị Hằng** - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Phú Mỹ.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Phú Mỹ tham gia phiên tòa*:** Bà **Nguyễn Thị Lan Hương** - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 12 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Phú Mỹ, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 334/2022/TB-TLVA này 24 tháng 10 năm 2022 về việc " Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 92/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 14 tháng 11 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên toà số: 60/2022/QĐST-HNGĐ ngày 02/12/2022, giữa các đương sự:

+ Nguyên đơn: Ông Tống Trọng N, sinh năm 1981 (có mặt)

Địa chỉ: thôn T, xã C, thị xã Phú Mỹ, tỉnh Bà Rịa –Vũng Tàu.

+ Bị đơn: Bà Nguyễn Thị Kim T, sinh năm 1983 (vắng mặt)

Địa chỉ: thôn T, xã C, thị xã Phú Mỹ, tỉnh Bà Rịa –Vũng Tàu.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản hoà giải và tại phiên toà nguyên đơn ông Tống Trọng N trình bày:

Về hôn nhân: Ông N với bà Nguyễn Thị Kim T sống chung với nhau từ năm 2003, có đăng ký kết hôn tại UBND xã C, vợ chồng sống hạnh phúc được thời gian đầu, sau đó phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân, do vợ chồng bất đồng quan điểm trong sinh hoạt, lâu dần vợ chồng không còn tình cảm. Vợ chồng đã ly

thân từ tháng 7/2022, ông N đã dọn ra ngoài để sinh sống. Nay ông N không còn tình cảm gì với T nên yêu cầu được ly hôn.

Về con chung: Vợ chồng sinh được 03 con chung Tống Nguyễn Huyền Tr, sinh ngày 16/4/2005; Tống Nguyễn Anh T, sinh ngày 07/02/2009; Tống Nguyễn Thiên P, sinh ngày 27/10/2018. Hiện nay các con đang ở với bà T nên ông N đồng ý giao 03 con chung cho bà T trực tiếp nuôi dưỡng, ông N không cấp dưỡng nuôi con vì toàn bộ tài sản ông N không tranh chấp mà giao lại cho bà T và các con.

Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Ông N các nhận vợ chồng không nợi ai.

Theo biên bản lấy lời khai, biên bản hòa giải bị đơn bà Nguyễn Thị Kim T trình bày:

Về hôn nhân: Vợ chồng sống chung với nhau từ năm 2003, có đăng ký kết hôn như ông N trình bày là đúng. Vợ chồng sống chung với nhau có mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, ông N đã dọn ra khỏi nhà và ở riêng. Tuy nhiên bà T vẫn còn tình cảm với ông N nên không đồng ý ly hôn, mong ông N đoàn tụ gia đình.

Về con chung: Vợ chồng sinh được 03 con chung Tống Nguyễn Huyền Tr, sinh ngày 16/4/2005; Tống Nguyễn Anh T, sinh ngày 07/02/2009; Tống Nguyễn Thiên P, sinh ngày 27/10/2018. Các con hiện nay do bà T đang trực tiếp nuôi dưỡng, con chung sinh hoạt bình thường. Nếu vợ chồng ly hôn, bà T yêu cầu được trực tiếp nuôi cả 03 con chung, không yêu cầu ông N cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Bà T không yêu cầu giải quyết.

Về nợ chung: Bà T xác nhận vợ chồng không nợ ai.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Phú Mỹ phát biểu quan điểm:

Về tố tụng: Vụ án thụ lý đúng theo thẩm quyền, Thẩm phán đã tiến hành thủ tục tố tụng đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn đã chấp hành đúng quyền và nghĩa vụ của mình, còn bị đơn chưa chấp hành đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Căn cứ vào lời khai của đương sự và các chứng cứ có trong hồ sơ, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Tống Trọng N.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Bị đơn bà Nguyễn Thị Kim T hiện đang sinh sống tại thôn T, xã C, thị xã Phú Mỹ, tỉnh Bà Rịa –Vũng Tàu nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Phú Mỹ theo điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố

tụng dân sự. Ông N yêu cầu ly hôn, tranh chấp nuôi con nên đây là vụ án hôn nhân và gia đình, quan hệ tranh chấp " Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn" theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.2] Bị đơn bà Nguyễn Thị Kim T đã được triệu tập hợp lệ 02 lần tham gia phiên toà nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Căn cứ vào Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt bà T là có căn cứ.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Tống Trọng N, xét thấy:

[2.1] Về hôn nhân: Căn cứ vào lời khai của ông N, bà T và giấy chứng nhận kết hôn số: 073 ngày 26/11/2003 do UBND xã C cấp cho ông N và bà T, có đủ cơ sở khẳng định ông N, bà T sống chung với nhau có đăng ký kết hôn, đây là hôn nhân hợp pháp.

Nguyên nhân mâu thuẫn: Ông N, bà T đều thừa nhận vợ chồng sống chung nhưng có nhiều mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm, vợ chồng đã ly thân từ tháng 7/2022 cho đến nay, mỗi người sinh sống một nơi. Quá trình giải quyết vụ án bà T cho rằng vẫn còn tình cảm với ông N nên không đồng ý ly hôn. Tuy nhiên, bà T không đưa ra được biện pháp nào để vợ chồng đoàn tụ, hiện nay vợ chồng không còn sống chung với nhau. Xét thấy, tại phiên tòa ông N vẫn giữ nguyên yêu cầu ly hôn, xét mâu thuẫn vợ chồng đã đến mức trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ vào khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình chấp nhận cho ông N được ly hôn với bà T.

[2.2] Về nuôi con chung: Căn cứ vào lời khai của các đương sự, giấy khai sinh của con chung khẳng định vợ chồng có 03 con chung Tống Nguyễn Huyền T, sinh ngày 16/4/2005; Tống Nguyễn Anh T, sinh ngày 07/02/2009; Tống Nguyễn Thiên P, sinh ngày 27/10/2018. Bà T yêu cầu được nuôi 03 con chung, ông N đồng ý nên cần giao 03 con chung cho bà T trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp, bà T không yêu cầu cấp dưỡng nên tạm thời ông N không cấp dưỡng nuôi con.

[2.3] Về tài sản chung: Ông N, bà T không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

[2.4] Về nợ chung: Ông N, bà T xác nhận vợ chồng không nợ ai nên không có căn cứ để xem xét giải quyết.

[3] Về án phí: Nguyên đơn ông Tống Trọng N phải nộp tiền án phí hôn nhân và đình gia sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự;

- Điều 51, 56, 81, 82, 83 và Điều 84 của Luật hôn nhân và gia đình;

- Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Tống Trọng N về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn" với bị đơn bà Nguyễn Thị Kim T.

1. Về hôn nhân: Ông Tống Trọng N được ly hôn với bà Nguyễn Thị Kim T.

2. Về con chung: Vợ chồng sinh được 03 con chung Tống Nguyễn Huyền T, sinh ngày 16/4/2005; Tống Nguyễn Anh T, sinh ngày 07/02/2009; Tống Nguyễn Thiên P, sinh ngày 27/10/2018:

+ Giao 03 con chung là Tống Nguyễn Huyền T, sinh ngày 16/4/2005; Tống Nguyễn Anh T, sinh ngày 07/02/2009; Tống Nguyễn Thiên P, sinh ngày 27/10/2018 cho bà Nguyễn Thị Kim T trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi các con chung đủ 18 (mười tám) tuổi. Bà T không yêu cầu cấp dưỡng nên ông N không cấp dưỡng nuôi con.

+ Sau khi ly hôn, ông N và bà T đều có nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung. Ông N có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

+ Vì lợi ích mọi mặt của con chung, trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con và việc cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

3. Về tài sản chung: Ông N, bà T không yêu cầu giải quyết.

4. Về nợ chung: Ông N, bà T xác nhận không nợ ai nên không có căn cứ để xem xét giải quyết.

5. Về án phí: Nguyên đơn ông Tống Trọng N phải nộp 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0006575 ngày 21/10/2022 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã Phú Mỹ, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu. Như vậy, ông N đã nộp đủ tiền án phí.

6. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt tại phiên toà được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (12/12/2022). Đương sự vắng tại phiên toà được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

7. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án

hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- VKSND TX. PHú Mỹ;
- CCTHADS TX. Phú Mỹ;
- UBND xã Châu Pha, TX. Phú Mỹ (GCNKH: Số 073 ngày 26/11/2003)
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán –Chủ tọa phiên tòa

Lê Văn Cường